



THÔNG BÁO THU HỌC PHÍ THÁNG 9/2024

1/ HỌC PHÍ HỌC SINH 2 BUỔI (ĐVT: đồng/tháng)

STT	KHỐI	Học phí chính khóa	Học phí buổi 2	Nước uống, vệ sinh phí	Tổng
1	CẤP TIỂU HỌC	727,000	545,000	20,000	1,292,000
2	KHỐI 6.7.8	767,000	575,000	20,000	1,362,000
3	KHỐI 9	824,000	618,000	20,000	1,462,000
4	KHỐI 10.11	996,000	747,000	20,000	1,763,000
5	KHỐI 12	1,160,000	870,000	20,000	2,050,000

2/ HỌC PHÍ HỌC SINH BÁN TRÚ (ĐVT: đồng/tháng)

STT	KHỐI	Học phí chính khóa	Học phí buổi 2	Nước uống, vệ sinh phí	Quản lý bán trú (TẠM THU)	Tiền ăn 34.000đ/ ngày x 16 ngày	Tiền chất đốt 2.000đ/ ngày x 16 ngày	Tiền vật dụng phục vụ BT (TẠM THU)	Tổng
1	CẤP TIỂU HỌC	727,000	545,000	30,000	349,000	544,000	32,000	34,000	2,261,000
2	KHỐI 6.7.8	767,000	575,000	30,000	357,000	544,000	32,000	34,000	2,339,000
3	KHỐI 9	824,000	618,000	30,000	369,000	544,000	32,000	34,000	2,451,000
4	KHỐI 10.11	996,000	747,000	30,000	403,000	544,000	32,000	34,000	2,786,000
5	KHỐI 12	1,160,000	870,000	30,000	436,000	544,000	32,000	34,000	3,106,000

Ghi chú: Tiền ăn và chốt đốt thu theo ngày ăn thực tế.

3/ CƠ SỞ VẬT CHẤT BÁN TRÚ (ĐVT: đồng/năm) (TẠM THU)

- Học sinh tham gia bán trú lần đầu: 1,500,000 đồng/năm
- Học sinh đã tham gia bán trú: 700,000 đồng/năm



MỤC 2.2 Thu, chi tài chính

Thu học phí chính khóa	7,854,419,500
Thu học phí buổi 2	6,054,090,625
Thu tiền ăn bán trú	4,219,616,000
Tiền học tiếng anh Ila	404,285,000
Tiền học kỹ năng sống	352,012,500
Quản lý phục vụ bán trú	2,511,785,000
Nước uống và vệ sinh phí	198,618,000
Thu đầu tư trang bị bán trú	237,400,000
Thu khác (thanh lý TS..)	24,011,000
TỔNG THU NĂM 2023	21,856,237,625

CHI TIẾT CÁC KHOẢN THU

	Th1 - Th5	Th9 - Th12
Học phí chính khóa (đồng/tháng) cấp 1	635,000	667,000
Học phí chính khóa (đồng/tháng) cấp 2 (Lớp 6, 7 ,8)	670,000	704,000
Học phí chính khóa (đồng/tháng) cấp 2 (Lớp 9)	720,000	756,000
Học phí chính khóa (đồng/tháng) cấp 3 (Lớp 10, 11)	870,000	914,000
Học phí chính khóa (đồng/tháng) cấp 3 (Lớp 12)	1,013,000	1,064,000
Học phí học thêm cấp 1 (đồng/tháng)	475,000	500,000
Học phí học thêm cấp 2 (đồng/tháng) (Lớp 6, 7 , 8)	500,000	525,000
Học phí học thêm cấp 2 (đồng/tháng) (Lớp 9)	540,000	567,000
Học phí học thêm cấp 3 (đồng/tháng) (Lớp 10, 11)	650,000	683,000
Học phí học thêm cấp 3 (đồng/tháng) (Lớp 12)	760,000	798,000
Tiền ăn Tiểu học (đồng/ngày)	32,000	35,000
Tiền ăn trung học (đồng/ngày)	32,000	35,000
Quản lý bán trú (đồng/tháng)	380,000	380,000
Trang bị ban đầu bán trú HS cũ (đồng/năm)	200,000	200,000
Trang bị ban đầu bán trú HS mới (đồng/năm)	400,000	500,000
Nước uống, vệ sinh HS bán trú (đồng/tháng)	24,000	24,000
Nước uống, vệ sinh HS không bán trú (đồng/tháng)	15,000	15,000
Trang bị ban đầu HS không bán trú (trừ trẻ SOS Không thu)		

MỤC 2.3: Chính sách và kết quả thực hiện chính sách

Hỗ trợ học phí cho học sinh NH 22-23 theo NQ17/NQ-HĐND (Sở GD và ĐT TP.HCM)	
337 học sinh THCS và 464 học sinh THPT	
Tổng số tiền	1,479,600,000